

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 23 – 01 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vĩnh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Biện Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1, Nguyễn Thành D (tên gọi khác: Tý), sinh ngày 15/02/1997, tại Phú Yên; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Phụ bếp; trình độ văn hoá (học vấn) 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng A, sinh năm 1965 và bà Lê Thị T, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: tốt. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/8/2018 tại nhà tạm giữ Công an thành phố Tuy Hòa, bảo lãnh ngày 22/11/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2, Mã Văn C (tên gọi khác: Chục), sinh ngày 27/11/1996, tại Phú Yên; ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố H phường T, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn) 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Thanh T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: tốt. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

1, Anh NBH1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

2, Chị NBH2, sinh năm 1979; Địa chỉ: đường N, phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. NLQ2, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

3. NLQ3, sinh năm 1997; Địa chỉ: đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. NLQ4, sinh năm 1994; Địa chỉ: đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Những người làm chứng:*

1, Anh NLC1, sinh năm 1994; Địa chỉ: đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa;

2, Chị NLC2, sinh năm 1997; Địa chỉ: đường C, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa;

3, Chị NLC3, sinh năm 2000; Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa;

4, Anh NLC4, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa;

5, Anh NLC5, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa;

6, Chị NLC6, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/8/2018, Nguyễn Thành D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng đỏ, biển số 79N1-956.95 (xe của NLQ4) đi trên các tuyến đường thành phố Tuy Hòa xem ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước số nhà nn đường P, phường H thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen đỏ, biển số 78C1- 396.79 của anh NBH1 không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D đến dùng tay tháo cục role ở phía trước đầu xe mô tô và dùng sợi dây điện do D tự chế cắm vào mở nguồn rồi điều khiển xe của anh NBH1 chạy đến nhà NLQ3 ở khu phố N, phường T, thành phố T nói là xe của bạn bị mất chìa khóa và nhờ NLQ3 thay ổ khóa, khi NLQ3 chuẩn bị thay thì D dùng tay mở được cốp xe, thấy chìa khóa bên trong nên lấy sử dụng và tháo biển số bỏ lại nhà NLQ3 rồi điều khiển xe về cất tại phòng trọ số 10, nhà trọ của ông N ở thành phố N. Sau đó, D biết xe mô tô trộm được là của người quen nên sáng 12/8/2018 D điều khiển xe về Tuy Hòa trả lại cho anh NBH1 thì bị Công an thành phố Tuy Hòa mời về làm việc.

Quá trình điều tra D khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 18/6/2018, D và Mã Văn C thuê phòng tại khách sạn P sử dụng ma túy. Sau đó, D rủ C tìm ai sơ hở thì lấy trộm tài

sản bán lấy tiền tiêu xài, C đồng ý. D điều khiển xe mô tô biển số 78E1-046.36 chở C, khi đến ngã ba đường Độc Lập – Phan Lưu Thanh thì cả hai phát hiện xe mô tô Exciter, màu trắng đỏ, biển số 78F1-311.68 của anh NLQ1 dựng trên đường Độc Lập tại bãi giữ xe của chị NBH2 thì D dựng xe kề xe NLQ1 rồi D và C đến ghé đá ngồi quan sát, theo dõi. Khi thấy chị NBH2 không chú ý thì D đưa chìa khóa xe cho C đến lấy xe đi trước, còn D đến chỗ xe của NLQ1 dùng tay tháo rơ le và dùng đoạn dây điện tự chế khởi động xe và nổ máy chạy đi. Sau đó, D bán xe cho NLQ4 với giá 13.000.000 đồng nhưng NLQ4 mới đưa cho D 8.000.000 đồng và C 1.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 10/8/2018 và 02/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản TP. Tuy Hòa kết luận: Xe mô tô biển số 78F1-311.68 trị giá 35.000.000 đồng và xe mô tô biển số 78C1 – 396.79 trị giá 35.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 28/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, Mã Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Thành D và Mã Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; về phần dân sự các bị cáo thống nhất bị cáo D tiếp tục bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho NLQ4; xe mô tô có gắn biển số 78E1 – 046.36 của Nguyễn Thành D mua lại của người khác nhưng không có giấy tờ xe nên công an thu giữ bị cáo không có ý kiến gì.

Những người bị hại NBH1, NBH2 có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trình bày đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì, về trách nhiệm hình sự NBH1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ4 có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời yêu cầu các bị cáo phải trả lại 9.000.000 đồng; về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 trình bày: Xe 78F1 – 311.68 đứng tên ông nhưng do NLQ1 sử dụng. Ngày 18/6/2018 NLQ1 gửi xe tại bãi biển Tuy Hòa do chị NBH2 giữ, sau khi phát hiện xe bị kẻ gian lấy cắp thì ngày 19/6/2018 gia đình ông đã cùng với chị NBH2 thương lượng và thống nhất thỏa thuận gia đình ông nhận 33.000.000 đồng và làm các thủ tục mua bán xe 78F1 – 311.68 cho chị NBH2. Nay ông đề nghị tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thành D và Mã Văn C, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/8/2018 đến ngày 22/11/2018; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo C từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự các bị cáo Nguyễn Thành D và Mã Văn C phải bồi thường cho NLQ4 9.000.000 đồng. Bị cáo C đã nộp 1.000.000 đồng và bị cáo D đã nộp 5.000.000 đồng khắc phục hậu quả, tại phiên tòa bị cáo D tự nguyện tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 3.000.000 đồng nên ghi nhận.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giữ xe mô tô có gắn biển số 78E1 – 046.36 để xử lý sau vì là vật chứng trong vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 18/6/2018 và 13 giờ 30 phút ngày 10/8/2018, trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyễn Thành D đã có hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 70.000.000 đồng; Mã Văn C có hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 35.000.000 đồng. Với hành vi và hậu quả như vậy, các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 28/11/2018 truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác đồng thời gây mất trật tự trị an trong xã hội, các bị cáo là những thanh niên có đầy đủ sức khỏe nhưng không lao động làm ăn chân chính, sa vào các tệ nạn xã hội nên phải trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài, giá trị tài sản bị cáo C trộm cắp 35.000.000 đồng và bị cáo D trộm cắp 70.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo C lúc đầu còn quanh co không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, sau khi Hội đồng xét xử công khai các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị cáo mới thừa nhận là chưa thần khẩn khai báo nên cần thiết phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã chủ động liên hệ với người bị hại để trả lại xe, đã nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo; bị cáo C đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nộp 1.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm lao động, cải tạo, tu dưỡng đạo đức trở thành người có ích cho xã hội.

[3] Về phần dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự. Các bị cáo Nguyễn Thành D và Mã Văn C phải bồi thường cho NLQ4 9.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo D tự nguyện bồi thường cho NLQ4 8.000.000 đồng, bị cáo C tự nguyện bồi thường 1.000.000 đồng nên ghi nhận. Bị cáo C đã nộp đủ 1.000.000 đồng tại phiếu thu số 0002015 ngày 21/01/2019 của Chi cục thi hành án dân

sự thành phố Tuy Hòa; bị cáo D đã nộp 5.000.000 đồng tại phiếu thu số 0001992 ngày 22/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa nên còn phải nộp 3.000.000 đồng.

[4] Đối với xe 78F1 – 311.68 ngày 19/6/2018 gia đình ông NLQ2 đã thống nhất thỏa thuận làm các thủ tục mua bán cho chị NBH2 và đã nhận 33.000.000 đồng là giao dịch dân sự đã hoàn thành, chị NBH2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giữ xe mô tô có gắn biển số 78E1 – 046.36 để xử lý trong vụ án khác.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với NLQ4 và NLQ3 không biết xe mô tô do người khác phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát không truy tố là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành D và Mã Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành D 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/8/2018 đến ngày 22/11/2018;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Mã Văn C 01(một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự. Các bị cáo Nguyễn Thành D và Mã Văn C phải bồi thường cho NLQ4 9.000.000 đ (chín triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo D tự nguyện bồi thường cho NLQ4 8.000.000đ (tám triệu đồng), bị cáo C tự nguyện bồi thường 1.000.000đ (một triệu đồng) nên ghi nhận. Bị cáo C đã nộp đủ 1.000.000đ (một triệu đồng) tại phiếu thu số 0002015 ngày 21/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa; bị cáo D đã nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng) tại phiếu thu số 0001992 ngày 22/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa nên còn phải nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giữ xe mô tô có gắn biển số 78E1 – 046.36 để xử lý trong vụ án khác.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Nguyễn Thành D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Mã Văn C phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an TP. Tuy Hòa;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THA DS TP. Tuy Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cơ